|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-BKHCN | *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**DỰ THẢO**

**TỜ TRÌNH**

**Về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của**

**Luật Chuyển giao công nghệ**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Chính phủ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ (Luật CGCN) như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Việc sửa đổi, bổ sung Luật CGCN nhằm thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng và triển khai các chỉ đạo của Nhà nước, Quốc hội trong các văn bản gần đây như sau:

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đặt ra yêu cầu có các chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư cho ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp; đẩy mạnh chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ (KHCN), đổi mới sáng tạo (ĐMST) thông qua doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ trong nước đầu tư ra nước ngoài.

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đặt ra yêu cầu kịp thời xây dựng, hoàn thiện pháp luật và cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển trong những lĩnh vực ưu tiên, đầu tư nghiên cứu phát triển, ứng dụng KHCN, ĐMST, chuyển đổi số (CĐS), tham gia vào các nhiệm vụ quan trọng, chiến lược của quốc gia và vươn tầm khu vực, thế giới; thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp sáng tạo, CĐS và làm giàu hợp pháp, chính đáng. Điểm nổi bật là việc cho phép các doanh nghiệp tính chi phí nghiên cứu và phát triển bằng 200% chi phí thực tế vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế cùng với chính sách hỗ trợ chi phí đầu tư mua sắm máy móc, đổi mới công nghệ, chi phí thực hiện CĐS, chuyển đổi xanh, kinh doanh bền vững, tuần hoàn thông qua cơ chế khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc tài trợ qua các quỹ. Đây là những chính sách ưu đãi nhằm giải phóng nguồn lực từ khu vực tư nhân cho CGCN và ĐMST, cần được thể chế hóa.

*-* Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới đưa hội nhập quốc tế về KHCN và ĐMST thành một nhóm giải pháp riêng, độc lập, thể hiện tầm quan trọng đặc biệt của lĩnh vực này trong chiến lược hội nhập quốc tế của đất nước; nhấn mạnh việc tiếp thu có chọn lọc các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện Việt Nam, mở rộng hợp tác để nâng cao năng lực công nghệ và vị thế quốc gia; yêu cầu chủ động tham gia định hình các khuôn khổ, quy tắc, quản trị về KHCN, ĐMST và CĐS trong các cơ chế hợp tác đa phương.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đặt ra yêu cầu xây dựng chính sách với tư duy mở, linh hoạt, phù hợp với các mô hình kinh doanh và công nghệ mới, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích của các chủ thể. Nghị quyết 66-NQ/TW yêu cầu tập trung xây dựng pháp luật về KHCN, ĐMST và CĐS, tạo hành lang pháp lý cho những vấn đề mới, phi truyền thống (trí tuệ nhân tạo, CĐS, chuyển đổi xanh, khai thác nguồn lực dữ liệu, tài sản mã hóa); đảm bảo quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu tài sản và quyền tự do hợp đồng, sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, tạo cơ sở pháp lý để khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận hiệu quả các nguồn lực về vốn, đất đai, nhân lực chất lượng cao; thúc đẩy hình thành và phát triển các tập đoàn kinh tế tư nhân tầm cỡ khu vực và toàn cầu; hỗ trợ thực chất, hiệu quả doanh nghiệp nhỏ và vừa.

*-* Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/3/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển KHCN, ĐMST và CĐS quốc gia yêu cầu tập trung xây dựng pháp luật về KHCN, ĐMST và CĐS, tạo hành lang pháp lý cho những vấn đề mới, phi truyền thống (trí tuệ nhân tạo, CĐS, chuyển đổi xanh, khai thác nguồn lực dữ liệu, tài sản mã hóa); đảm bảo quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu tài sản và quyền tự do hợp đồng, sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, tạo cơ sở pháp lý để khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận hiệu quả các nguồn lực về vốn, đất đai, nhân lực chất lượng cao; thúc đẩy hình thành và phát triển các tập đoàn kinh tế tư nhân tầm cỡ khu vực và toàn cầu; hỗ trợ thực chất, hiệu quả doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Các văn bản này thể hiện rõ quan điểm, chủ trương xuyên suốt của Đảng và Nhà nước về việc hoàn thiện thể chế, thúc đẩy mạnh mẽ chuyển giao, ứng dụng công nghệ và ĐMST; đẩy mạnh phân cấp, giao quyền cho địa phương chủ động lựa chọn công nghệ phù hợp, khuyến khích doanh nghiệp trong nước làm chủ công nghệ. Nhiều chủ trương đã được nghiên cứu, thể chế hóa trong Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ IX) và cần tiếp tục thể chế hóa trong pháp luật về CGCN.

**2. Cơ sở thực tiễn**

**2.1. Một số tồn tại, hạn chế của Luật CGCN năm 2017**

Luật CGCN năm 2017 đã tạo hành lang pháp lý cho hoạt động CGCN trong nước, CGCN từ nước ngoài vào Việt Nam và CGCN từ Việt Nam ra nước ngoài. Luật đã cung cấp khung pháp lý về đối tượng, hình thức, phương thức CGCN, quyền CGCN; công nghệ khuyến khích chuyển giao, công nghệ hạn chế chuyển giao, công nghệ cấm chuyển giao; các vấn đề về thẩm định công nghệ dự án đầu tư, hợp đồng CGCN, các biện pháp khuyến khích CGCN, phát triển thị trường KH&CN, CGCN cho vùng nông thôn, miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; quản lý nhà nước về CGCN.

Tuy nhiên, sau gần một thập kỷ thi hành, Luật CGCN đã bộc lộ những hạn chế, bất cập (đối tượng công nghệ được điều chỉnh chưa bao quát các công nghệ mới; chính sách về tài chính, pháp lý, thể chế cho bên chuyển giao và bên nhận CGCN chưa đầy đủ; thiếu chính sách khuyến khích, hỗ trợ CGCN nội sinh; thị trường KH&CN hoạt động yếu; quản lý nhà nước về CGCN chưa hiệu quả, v.v…), chưa theo kịp tốc độ phát triển nhanh chóng của KHCN&ĐMST thế giới; chưa đáp ứng bối cảnh đất nước ta đang đứng trước yêu cầu cần có quyết sách mạnh mẽ để tạo xung lực mới, đột phá phát triển KHCN, ĐMST và CĐS, đưa đất nước phát triển mạnh mẽ trong kỷ nguyên mới. Một số tồn tại, hạn chế cụ thể của Luật CGCN năm 2017 như sau:

a) Về phạm vi, đối tượng

Luật CGCN chủ yếu tập trung vào điều chỉnh CGCN truyền thống (thông qua mua bán máy móc, thiết bị), đối tượng công nghệ được điều chỉnh chung, chưa bao quát công nghệ mới như công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, tài sản trí tuệ theo xu thế trên thế giới và thực tiễn hiện nay.

b) Các quy định, chính sách về tài chính, pháp lý, thể chế cho hoạt động CGCN

- Khung pháp lý thúc đẩy hoạt động CGCN trong Luật CGCN chưa đầy đủ. Chính sách ưu đãi cho bên chuyển giao chưa phù hợp, chưa đúng đối tượng và không hiệu quả (hiện chỉ quy định chính sách ưu đãi, khuyến khích đối với dự án đặc biệt quy mô lớn, có công nghệ thuộc danh mục khuyến khích chuyển giao hoặc CGCN thuộc danh mục khuyến khích chuyển giao cho địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn); chưa có chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho bên nhận chuyển giao để thúc đẩy CGCN. Chỉ có các chính sách áp dụng chung khi thực hiện CGCN, chưa có chính sách khuyến khích, ưu đãi theo mức độ CGCN (về quy mô, đối tượng, hình thức CGCN), chưa tạo động lực hấp dẫn về tài chính, pháp lý, thể chế cho bên chuyển giao và bên nhận chuyển giao.

- Chưa có chính sách khuyến khích, ưu đãi cao (đủ mạnh) cho cả bên giao và bên nhận đối với các công nghệ khuyến khích, ưu tiên chuyển giao như công nghệ chiến lược, công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ xanh, công nghệ sạch.

- Chưa quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp FDI công bố và thực hiện kế hoạch CGCN, nội dung CGCN cho doanh nghiệp trong nước để được hưởng ưu đãi.

- Thiếu chính sách hiệu quả đối với việc phổ biến áp dụng công nghệ đã được kiểm chứng, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng cho số đông doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

- Luật hiện hành quy định chủ sở hữu công nghệ có quyền chuyển nhượng quyền sở hữu, chuyển giao quyền sử dụng công nghệ (Điều 7. Quyền CGCN) nhưng chưa có định nghĩa “chủ sở hữu công nghệ”. Đối với tài sản trí tuệ, chủ sở hữu và việc xác lập quyền sở hữu đã được quy định trong pháp luật về SHTT nhưng hiện chưa có quy định đối với công nghệ không phải là tài sản trí tuệ (do chưa đáp ứng điều kiện để được bảo hộ SHTT hoặc chủ sở hữu muốn giữ bí mật, không đăng ký để bảo hộ SHTT), điều này dẫn đến những rủi ro trong CGCN đối tượng này.

- CGCN không chỉ phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh mà còn phục vụ mục đích nghiên cứu, ứng dụng phục vụ xã hội, phục vụ công ích (như các phương pháp điều trị, công nghệ phẫu thuật trong lĩnh vực vụ y tế, v.v…), nhưng pháp luật CGCN hiện hành chưa quy định về các vấn đề này.

- Chưa có chính sách thúc đẩy CGCN đồng hợp tác để phát triển, nâng cấp, hoàn thiện công nghệ.

- Thiếu cơ chế khuyến khích, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển (thương mại hóa công nghệ nội sinh).

c) Về thẩm định công nghệ

- Luật CGCN năm 2017 chỉ quy định các trường hợp thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ trong giai đoạn quyết định chủ trương và quyết định đầu tư, còn khoảng trống pháp lý về thẩm định công nghệ đối với các trường hợp khác (như theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân sau phục vụ hoạt động quản lý, phát triển, đổi mới công nghệ trong suốt quá trình thực hiện dự án đầu tư; khi xem xét đáp ứng yêu cầu về công nghệ để thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ, cấp giấy phép bảo vệ môi trường hoặc các nhu cầu khác).

- Nội dung thẩm định công nghệ trong dự án đầu tư còn chưa đầy đủ, chưa đáp ứng được yêu cầu về lựa chọn và kiểm soát công nghệ trong dự án đầu tư. Đặc biệt là nội dung thẩm định công nghệ thuộc danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, chưa bảo đảm kiểm soát được các yếu tố về an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.

- Chưa có quy định về đánh giá, thẩm định công nghệ đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh không phải thực hiện thủ tục nhà nước giao đất, cho thuê đất, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư.

d) Về đăng ký CGCN, hợp đồng CGCN

- Luật CGCN 2017 quy định phải đăng ký CGCN trong trường hợp CGCN từ nước ngoài vào Việt Nam, CGCN từ Việt Nam ra nước ngoài và CGCN trong nước có sử dụng vốn nhà nước hoặc ngân sách nhà nước. Các trường hợp khác chỉ khuyến khích đăng ký nhưng không có chính sách khuyến khích đăng ký cụ thể. Hệ quả là số hợp đồng CGCN đăng ký rất thấp so với thực tế, cơ quan quản lý không nắm được đầy đủ thông tin về CGCN, đặc biệt là CGCN trong nước (nội sinh), dẫn đến không đề xuất được chính sách quản lý hoạt động CGCN phù hợp.

- Quy định về nội dung hợp đồng CGCN chưa đầy đủ, chưa phù hợp với bối cảnh mới.

- Chưa quy định rõ ràng để phân biệt dự án ứng dụng công nghệ và dự án có CGCN nên trong một số trường hợp, doanh nghiệp không đăng ký hợp đồng CGCN dẫn đến khó khăn trong việc quản lý hoạt động CGCN.

- Luật còn thiếu quy định cụ thể cho CGCN xuyên biên giới để khuyến khích, thúc đẩy CGCN từ nước ngoài vào Việt Nam, từ Việt Nam ra nước ngoài.

- Quy định về công nghệ cấm chuyển giao, công nghệ hạn chế chuyển giao còn chưa rõ ràng; chưa có quy định cụ thể đối với trường hợp mua máy móc, thiết bị trong đó có sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao phải thực hiện thủ tục đề nghị chấp thuận và cấp Giấy phép.

đ) Về phát triển thị trường khoa học, công nghệ

- Thị trường KH&CN hoạt động yếu, chưa minh bạch, chính sách phát triển tổ chức trung gian như sàn giao dịch công nghệ chưa rõ và đầy đủ.

- Chưa có quy định khả thi về định giá công nghệ theo cơ chế thị trường, đặc biệt là các công nghệ phi vật lý, tài sản trí tuệ, công nghệ mới.

- Thiếu cơ chế khuyến khích, thúc đẩy thành lập doanh nghiệp spin-off, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển, thành lập văn phòng CGCN/tri thức trong các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở nghiên cứu.

- Nguồn nhân lực CGCN (thẩm định, đánh giá, tư vấn, môi giới, định giá công nghệ) thiếu và yếu, chưa có chính sách phát triển nguồn nhân lực CGCN chuyên nghiệp.

e) Về kiểm tra, giám sát CGCN, quản lý, đánh giá hiệu quả hoạt động CGCN

- Thiếu quy định đo lường và thống kê số lượng, giá trị giao dịch công nghệ trên thị trường.

- Thiếu quy định về theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả CGCN, nhất là CGCN sử dụng ngân sách nhà nước.

- Hiện nay quy định cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành để kiểm tra, giám sát công nghệ trong dự án đầu tư cùng với việc kiểm tra, giám sát đầu tư theo quy định của pháp luật nhưng chưa có quy định về cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước; chưa có quy định chi tiết trình tự thủ tục, biện pháp xử lý sau khi kiểm tra.

**2.2. Các xu thế của CGCN trên thế giới**

Các xu thế của CGCN trên thế giới đặt ra nhiều vấn đề đòi hỏi phải sửa đổi, bổ sung Luật CGCN để theo kịp thực tiễn và hội nhập quốc tế. Một số xu thế nổi bật như sau:

(i) CGCN dựa trên tài sản trí tuệ, công nghệ phi vật chất, do đó Luật CGCN cần sửa đổi mở rộng phạm vi, đối tượng công nghệ chuyển giao.

(ii) Thúc đẩy ĐMST và CGCN nội sinh: không chỉ CGCN từ nước ngoài mà còn từ viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp; xu thế hình thành các doanh nghiệp spin-off, hoạt động góp vốn bằng công nghệ gia tăng. Do đó, Luật CGCN cần sửa đổi để hỗ trợ mạnh việc chia sẻ quyền, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển thay vì quản lý hành chính về CGCN.

(iii) Toàn cầu hóa CGCN gắn với kiểm soát an ninh công nghệ chặt thông qua khung pháp lý, cần phân loại và kiểm soát CGCN nhạy cảm (công nghệ hạn chế chuyển giao, công nghệ hạn chế xuất khẩu, công nghệ cấm chuyển giao, công nghệ ưu tiên chuyển giao, v.v…).

(iv) Hình thành thị trường KH&CN minh bạch và chuyên nghiệp. Trên thế giới CGCN không còn là giao dịch riêng lẻ mà là gói công nghệ, sàn giao dịch. Nhiều công cụ mới được áp dụng như xếp hạng công nghệ, định giá tài sản trí tuệ, đấu giá sáng chế, gói li-xăng, v.v…

(v) Kết hợp CGCN với đầu tư mạo hiểm, tài chính hóa tài sản công nghệ, coi tài sản đảm bảo là công nghệ và tài sản trí tuệ để vay vốn.

(vi) Các nước đã có các quy định về CGCN thế hệ mới gắn với quản lý luồng dữ liệu, phần mềm, CGCN xuyên biên giới, CGCN không tiếp xúc, an ninh công nghệ, kiểm soát đầu đầu tư; sử dụng dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo để tự động hóa quá trình CGCN.

**2.3. Các định hướng, chiến lược, mục tiêu quốc gia**

Đảng và Nhà nước đã đặt mục tiêu tăng trưởng 8% trở lên vào năm 2025 và mức tăng trưởng “hai con số” trong giai đoạn 2026 - 2030, hướng tới nhóm nước thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và nhóm nước thu nhập cao vào năm 2045. Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với phát triển bền vững, CĐS, kinh tế số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn.

Mục tiêu quốc gia của Việt Nam là trở thành quốc gia số vào năm 2030, với sự phát triển mạnh mẽ của Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số, đồng thời hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có khả năng cạnh tranh toàn cầu. Đối với chuyển đổi xanh, mục tiêu đặt ra là tăng trưởng xanh góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng nhằm đạt được thịnh vượng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội; hướng tới nền kinh tế xanh, trung hòa carbon và đóng góp vào mục tiêu hạn chế sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu.

Tại Kỳ họp thứ 9 của Quốc hội khóa XV, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được Quốc hội thông qua, đóng vai trò là luật khung, thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về KHCN&ĐMST. Để thực hiện các định hướng, chiến lược, mục tiêu quốc gia về tăng trưởng GDP, tăng hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp, thực hiện CĐS quốc gia, chuyển đổi xanh, giải quyết các vấn đề về môi trường, xã hội, phát triển kinh tế - xã hội bền vững đòi hỏi phải tiếp tục thể chế hóa các quy định pháp luật về KHCN&ĐMST, trong đó có việc sửa đổi, bổ sung Luật CGCN.

**II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT**

**1. Mục tiêu**

- Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý để thúc đẩy hoạt động CGCN một cách hiệu quả, đồng bộ, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và chủ trương phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời bắt kịp xu thế thế giới trong CGCN. Tăng cường phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính về CGCN, tăng cường công tác thông tin, thống kê về CGCN phục vụ quản lý nhà nước.

- Thúc đẩy ĐMST và CGCN nội sinh, khơi luồng công nghệ giữa các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước và giữa các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở nghiên cứu và doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

- Phát triển thị trường khoa học và công nghệ hoạt động hiệu quả, minh bạch và chuyên nghiệp, tạo môi trường thuận lợi cho các giao dịch công nghệ, tài sản trí tuệ, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế, doanh nghiệp và sản phẩm quốc gia.

**2. Quan điểm chỉ đạo**

Dự án Luật được xây dựng trên cơ sở quán triệt các quan điểm sau:

a) Thể chế hóa kịp thời các quan điểm, đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước về phát triển KHCN, ĐMST và CĐS phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; coi doanh nghiệp là trung tâm của đổi mới, ứng dụng và CGCN, thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ trong nước; ngăn chặn nhập khẩu công nghệ lạc hậu, tiếp thu và làm chủ công nghệ tiên tiến của thế giới phù hợp với điều kiện Việt Nam.

b) Tiếp tục phát huy, kế thừa các nội dung tiến bộ của Luật CGCN năm 2017, xác định, lựa chọn các vấn đề thực sự vướng mắc để kịp thời tháo gỡ, tạo thuận lợi tối đa cho hoạt động CGCN trong nước và từ nước ngoài vào Việt Nam để cải thiện trình độ công nghệ quốc gia và năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp, phục vụ tăng trưởng bền vững.

c) Đổi mới tư duy và phương thức quản lý nhà nước về hoạt động CGCN phù hợp với bối cảnh mới để bảo đảm hiệu quả kiểm soát công nghệ đi đôi với giảm thiểu thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp; đảm bảo tính khả thi, đồng bộ và thống nhất của hệ thống pháp luật hiện hành.

# III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG LUẬT

Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ giao, Bộ Khoa học và Công nghệ đã thành lập Tổ soạn thảo xây dựng dự án Luật với sự tham gia của đại diện các Bộ, ngành và cơ quan, tổ chức có liên quan.

Tổ soạn thảo đã tiến hành tổng kết tình hình thực hiện Luật CGCN 2017 trong giai đoạn 2017 - 2025, đánh giá đầy đủ mặt tích cực và những vấn đề còn tồn tại của Luật CGCN năm 2017; đồng thời, nghiên cứu kinh nghiệm của các nước khu vực và thế giới để tham khảo cho chính sách quản lý hoạt động CGCN ở Việt Nam.

Dự thảo Luật được gửi lấy ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương (xx/xx Bộ và xx/34 tỉnh, thành phố đã gửi văn bản góp ý); được các nhà khoa học, các chuyên gia pháp luật trong nước và nước ngoài, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp, các doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học tham gia đóng góp ý kiến dưới nhiều hình thức khác nhau.

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Báo cáo Thẩm định số xxx ngày xxxx của Bộ Tư pháp, Bộ Khoa học và Công nghệ đã hoàn thiện hồ sơ dự án Luật để trình Chính phủ.

# IV. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật sửa đổi, bổ sung Luật CGCN tiếp tục kế thừa phạm vi điều chỉnh của Luật CGCN hiện hành, mở rộng một số đối tượng CGCN (như công nghệ chiến lược, công nghệ xanh), mở rộng hoạt động thẩm định công nghệ không chỉ đối với dự án đầu tư và nhấn mạnh thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm thúc đẩy CGCN nội sinh. Phạm vi điều chỉnh của Luật CGCN theo đó được sửa đổi, bổ sung để bao gồm các quy định về hoạt động CGCN tại Việt Nam, từ nước ngoài vào Việt Nam, từ Việt Nam ra nước ngoài; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động CGCN; hoạt động thẩm định công nghệ; hợp đồng CGCN; biện pháp khuyến khích CGCN, phát triển thị trường khoa học và công nghệ; thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; quản lý nhà nước về CGCN.

**2. Đối tượng áp dụng**

Luật sửa đổi, bổ sung Luật CGCN tiếp tục áp dụng đối với các đối tượng gồm: (i) Các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia hoạt động CGCN; (ii) Các cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương; (iii) Các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan.

**IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT**

Chính phủ đề xuất các nội dung sửa đổi, bổ sung theo các chính sách cụ thể dưới đây:

**1. Chính sách 1: Xác định phạm vi công nghệ điều chỉnh trong Luật để bao quát công nghệ mới theo xu thế trên thế giới và yêu cầu thực tiễn**

Luật CGCN chủ yếu tập trung điều chỉnh CGCN truyền thống (thông qua mua bán máy móc, thiết bị), chưa có chính sách đặc thù đối với công nghệ mới theo xu thế trên thế giới và thực tiễn hiện nay. Do đó, Điều 2 về giải thích từ ngữ đã được rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật một số thuật ngữ. Điều 2 Luật CGCN năm 2017 giải thích 22 từ ngữ, trong đó một số từ ngữ được giải thích nhưng không sử dụng, một số từ ngữ được sử dụng nhưng chưa được giải thích, một số từ ngữ hiện nay đã được các Luật gần đây sửa đổi hoặc mới ban hành (Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Luật Dữ liệu, Luật Công nghiệp công nghệ số, v.v…), một số từ ngữ cần được bổ sung giải thích để phù hợp với bối cảnh mới và xu thế hiện nay. Theo đó, các thuật ngữ đã được sửa đổi, bổ sung bao gồm “bí quyết”, “công nghệ”, “công nghệ mới”, “công nghệ xanh”, “công nghệ cao”, “chuyển giao công nghệ không tiếp xúc”. “thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo”, “thẩm định công nghệ”, “có ý kiến về công nghệ”.

Đồng thời, các từ ngữ được giải thích tại Điều 2 phải là những từ ngữ được sử dụng nhiều trong Luật, đối với những từ ngữ ít được sử dụng sẽ nêu trực tiếp định nghĩa tại điều luật có liên quan. Theo đó, một số thuật ngữ được lược bớt tại Điều 2 gồm “ươm tạo công nghệ”, “ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ”, “cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ”, “môi giới chuyển giao công nghệ”, “tư vấn chuyển giao công nghệ”, “xúc tiến chuyển giao công nghệ”.

Khoản 3 Điều 3 quy định Chính sách của Nhà nước đối với hoạt động CGCN cũng được sửa đổi để mở rộng đối tượng công nghệ ưu tiên chuyển giao bao gồm “công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ xanh, công nghệ sạch, công nghệ phục vụ phát triển sản phẩm quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, công nghệ phục vụ quốc phòng, an ninh”.

**2. Chính sách 2: Hỗ trợ, thúc đẩy CGCN nội sinh, bao gồm CGCN giữa các doanh nghiệp/tổ chức, cá nhân trong nước, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển**

Chính sách, quy định hiện hành về khuyến khích, thúc đẩy CGCN trong nước, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển, CGCN từ các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở nghiên cứu còn thiếu hoặc chưa đủ mạnh, hiệu quả. Do đó, Luật sẽ sửa đổi, bổ sung các nội dung như sau:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 1 về Phạm vi điều chỉnh: Bổ sung “thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ” để nhấn mạnh chính sách thúc đẩy CGCN nội sinh.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7 về Quyền CGCN: quy định hiện hành chưa quy định thế nào, khi nào là “chủ sở hữu công nghệ”. Đối với tài sản trí tuệ, chủ sở hữu và việc xác lập quyền sở hữu đã được quy định trong pháp luật về sở hữu trí tuệ (SHTT) nhưng hiện chưa có quy định đối với công nghệ không có đăng ký bảo hộ quyền sở hữu (do chưa đáp ứng điều kiện để được bảo hộ SHTT hoặc chủ sở hữu muốn giữ bí mật, không đăng ký bảo hộ SHTT), điều này dẫn đến những rủi ro trong CGCN đối tượng này. Do vậy, Điều 7 đã được sửa đổi, hoàn thiện để quy định đầy đủ hơn, giảm rủi ro cho các bên liên quan.

- Sửa đổi, hoàn thiện Điều 8 về Góp vốn bằng công nghệ để làm cơ sở xây dựng cơ chế khuyến khích, thúc đẩy CGCN nội sinh, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển.

- Sửa đổi, hoàn thiện Điều 9 về Công nghệ khuyến khích chuyển giao để bổ sung công nghệ chiến lược, công nghệ xanh vào Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao; Tinh chỉnh, hoàn thiện các yêu cầu đối với công nghệ khuyến khích chuyển giao nhằ hỗ trợ, thúc đẩy CGCN nội sinh.

- Sửa đổi, hoàn thiện Điều 35 về Hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng, đổi mới công nghệ: Các chính sách khuyến khích, ưu đãi hiện nay được quy định và áp dụng chung, chỉ quy định có hoạt động CGCN thì được ưu đãi, các mức khuyến khích, ưu đãi chưa theo mức CGCN (mức độ tiếp nhận và phát triển công nghệ). Do vậy, Điều 35 đã được sửa đổi, hoàn thiện theo hướng quy định về các mức CGCN và các chính sách khuyến khích, ưu đãi tương ứng với mức CGCN, áp dụng cho cả CGCN trong nước (nội sinh) và CGCN từ nước ngoài vào Việt Nam.

- Bổ sung Điều 35a về Nhà nước mua và phổ biến công nghệ: CGCN không chỉ phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh mà còn phục vụ mục đích nghiên cứu, ứng dụng phục vụ xã hội, công ích (như các phương pháp điều trị, công nghệ phẫu thuật trong lĩnh vực vụ y tế…). Điều 35a được bổ sung để quy định về nhưng vấn đề này, bao gồm CGCN từ nước ngoài vào Việt Nam và CGCN trong nước, qua đó thúc đẩy CGCN nội sinh.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 36 về Thương mại hóa kết quả nghiên cứu, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo: Luật KHCN&ĐMST đã quy định về việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo nên các quy định tại Điều 36 trong Luật CGCN 2017 không còn phù hợp. Điều 36 đã được sửa đổi với các nội dung mới nhằm bổ sung các biện pháp để tiếp tục thúc đẩy thương mại hóa kết quả từ các nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước.

- Bổ sung Điều 36a về CGCN thông qua đồng hợp tác phát triển công nghệ: Luật hiện hành chưa có quy định nhằm thúc đẩy CGCN thông qua đồng hợp tác để phát triển, nâng cấp, hoàn thiện công nghệ, do đó bổ sung Điều 36a để thúc đẩy CGCN, đồng thời qua đó nâng cao năng lực nghiên cứu và phát triển, ĐMST cho các doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở nghiên cứu trong nước.

**3.Chính sách 3: Phát triển thị trường khoa học và công nghệ hoạt động chuyên nghiệp, minh bạch**

Thị trường KH&CN hoạt động yếu, chưa minh bạch, chưa chuyên nghiệp. Do đó, Luật đã sửa đổi, bổ sung như sau:

- Bổ sung Điều 35a về Nhà nước mua và phổ biến công nghệ: CGCN không chỉ phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh mà còn phục vụ mục đích nghiên cứu, ứng dụng phục vụ xã hội, công ích (như các phương pháp điều trị, công nghệ phẫu thuật trong lĩnh vực vụ y tế…). Điều 35a được bổ sung để quy định về nhưng vấn đề này, bao gồm CGCN từ nước ngoài vào Việt Nam và CGCN trong nước, qua đó thúc đẩy CGCN nội sinh và các hoạt động CGCN trên thị trường KH&CN trong nước.

- Sửa đổi, hoàn thiện các Điều 41 về Chính sách và biện pháp hỗ trợ phát triển thị trường KH&CN, Điều 42 về Phát triển nguồn cung, nguồn cầu của thị trường khoa học và công nghệ, Điều 43 về Phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ: Sửa đổi, hoàn thiện các quy định về biện pháp hỗ trợ các tổ chức trung gian như sàn giao dịch công nghệ, khu trưng bày, giới thiệu, quảng cáo kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, cơ sở ươm tạo, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đánh giá, thẩm định giá công nghệ, chuyên gia môi giới, tư vấn CGCN, v.v.

- Bổ sung Điều 42a về Thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo để thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo của các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở nghiên cứu công lập thông qua việc thành lập doanh nghiệp spin-off.

**4.** **Chính sách 4: Tạo động lực tài chính, thể chế, pháp lý cho hoạt động CGCN**

Các chính sách hiện hành cho bên chuyển giao và bên nhận công nghệ chưa đầy đủ, chưa hiệu quả. Do đó, Luật sửa đổi, bổ sung như sau:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7 về Quyền CGCN, Điều 8 về Góp vốn bằng công nghệ, Điều 9 về Công nghệ khuyến khích chuyển giao như nêu tại chính sách 2 không chỉ đáp ứng việc hỗ trợ, thúc đẩy CGCN nội sinh mà còn tạo động lực về tài chính, thể chế, pháp lý cho hoạt động CGCN.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 23 về Nội dung hợp đồng CGCN: bổ sung quy định để đảm bảo bên chuyển giao có quyền sở hữu công nghệ hoặc quyền CGCN hợp pháp, tránh rủi ro cho bên nhận chuyển giao, hoàn thiện thể chế, pháp lý cho hoạt động CGCN.

- Sửa đổi, hoàn thiện Điều 35 về Hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng, đổi mới công nghệ: quy định các mức CGCN và các chính sách khuyến khích, ưu đãi tương ứng với mức CGCN; bổ sung quy định về chính sách khuyến công nghệ nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể áp dụng các phương pháp thực hành tốt, công nghệ sẵn có, đã được kiểm chứng về hiệu quả để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, dịch vụ, sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Bổ sung Điều 36a về CGCN thông qua đồng hợp tác phát triển công nghệ: nhằm thúc đẩy CGCN thông qua đồng hợp tác để phát triển, nâng cấp, hoàn thiện công nghệ.

**5. Chính sách 5: Tăng cường kiểm soát CGCN xuyên biên giới để vừa kiểm soát an ninh công nghệ, vừa thúc đẩy CGCN quốc tế hiệu quả**

Trong Luật CGCN năm 2017 đã có quy định về CGCN xuyên biên giới nhưng còn thiếu quy định cụ thể, đặc biệt là CGCN từ Việt Nam ra nước ngoài còn thiếu quy định về kiểm soát, phê duyệt. Tuy nhiên, đây là các nội dung mới, cần học hỏi kinh nghiệm nước ngoài, đánh giá thực tiễn để xây dựng quy định, và đánh giá tác động chính sách của quy định, do đó sẽ được nghiên cứu kỹ lưỡng và đề xuất sửa đổi, bổ sung ở lần sau.

Đối với Luật sửa đổi, bổ sung lần này chỉ đề xuất bổ sung nội dung về tổ chức thực hiện xúc tiến hợp tác quốc tế trong CGCN để thúc đẩy, khuyến khích hợp tác quốc tế trong CGCN, CGCN xuyên biên giới tại Điều 44 về Công bố, trình diễn, giới thiệu công nghệ.

**6. Chính sách 6: Tăng cường năng lực quản lý nhà nước, thực hiện giám sát, thống kê, đo lường hiệu quả CGCN**

Luật hiện hành còn một số bất cập trong thực hiện quản lý nhà nước về CGCN như thẩm định công nghệ, đăng ký CGCN, giám sát, thống kê, đánh giá hiệu quả về CGCN, v.v… đồng thời chưa theo kịp xu thế thế giới và các yêu cầu trong bối cảnh mới, do đó, Luật sửa đổi, bổ sung một số quy định sau:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 1 về Phạm vi điều chỉnh: Bỏ cụm từ “dự án đầu tư” trong cụm từ “thẩm định công nghệ dự án đầu tư” và thêm từ “hoạt động” để mở rộng phạm vi thẩm định công nghệ cả trong những trường hợp không phải là dự án đầu tư và các trường hợp khác mà tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 2 về Giải thích từ ngữ và Điều 3 về Chính sách của Nhà nước đối với hoạt động CGCN: việc sửa đổi, bổ sung, lược bớt một số thuật ngữ tại Điều 2 và sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 3 cũng nhằm phục vụ quản lý nhà nước về CGCN.

- Sửa đổi tên Chương II và các điều tại chương này (từ Điều 13 đến Điều 21) nhằm mở rộng phạm vi công nghệ thẩm định, đồng bộ với các quy định pháp luật hiện hành (Luật KHCN&ĐMST, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư) và yêu cầu thực tiễn; tăng cường quản lý Nhà nước về CGCN, giải quyết, tháo gỡ các vấn đề khó khăn, đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong CGCN, thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền của Nhà nước đối với hoạt động CGCN.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 23 về Nội dung hợp đồng CGCN: bổ sung quy định để đảm bảo bên chuyển giao có quyền sở hữu công nghệ hoặc quyền CGCN hợp pháp, tránh rủi ro cho bên nhận chuyển giao, hoàn thiện thể chế, pháp lý cho hoạt động CGCN.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 29 về Hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận CGCN, Điều 30. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy phép CGCN; Điều 54. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ; Điều 55. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ; Điều 56. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Sửa đổi nhằm thực hiện phân cấp cho chính quyền địa phương. Phân cấp cho UBND tỉnh thực hiện thủ tục chấp thuận và cấp giấy phép CGCN hạn chế chuyển giao.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 31 về Đăng ký CGCN: sửa đổi để quy định bổ sung và rõ ràng hơn các trường hợp phải đăng ký CGCN.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 57 về Thống kê chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ: Sửa đổi, bổ sung các quy định về thống kê, đo lường hiệu quả CGCN: Xây dựng cơ sở dữ liệu, cổng thông tin về CGCN; Bổ sung quy định rõ về trách nhiệm của cơ quan theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả các dự án CGCN có sử dụng ngân sách nhà nước; Bổ sung quy định đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động CGCN về việc kê khai, khai báo thông tin CGCN; Bổ sung quy định bộ, ngành, địa phương bắt buộc thống kê định kỳ về CGCN.

Trên đây là nội dung cơ bản của dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ. Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Thủ tướng Chính phủ (để b/c);  - PTTg Chính phủ Nguyễn Chí Dũng (để b/c);  - Các Thành viên Chính phủ;  - Văn phòng Chính phủ;  - Các Thứ trưởng;  - Lưu: VT, ĐTC, PC, ĐMST. | **BỘ TRƯỞNG**          **Nguyễn Mạnh Hùng** |